TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày 25-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vy Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Đình Duy

Ông Nông Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Anh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2019/TLST-HS, ngày 23 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị V (Họ tên khác: Không có), sinh ngày 15 tháng 3 năm 1976 tại xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Lương Thị T (đã chết); có chồng Bùi Quang C và 03 người con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật, bị xử lý lần nào; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Anh Hoàng Duy D, sinh ngày 18/01/1989; địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn P, sinh ngày 13/10/1988; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Bà Dương Thị P, sinh ngày 27/9/1972; địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Ông Dương Thời T, sinh ngày 05/12/1970; địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Chị Hà Thị L, sinh ngày 20/02/1986; địa chỉ tại thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Ông Bùi Quang C, sinh ngày 30/12/1971; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị V, sinh năm 1976 trú tại Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, là người cho vay lãi từ năm 2016; với hình thức cho vay bằng tiền mặt, có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản tùy theo mối quan hệ và lượng tiền vay. Việc cho vay đều được lập giấy vay tiền, ghi chép sổ sách để theo dõi và tính lãi xuất khác nhau, khi người vay chưa trả được lãi, Nguyễn Thị V không cộng dồn lãi chưa thanh toán vào tiền gốc mà giữ nguyên số tiền gốc để tính lãi cho các lần thanh toán tiếp theo; những người được Nguyễn Thị V cho vay gồm:

1. Hoàng Duy D, sinh năm 1989; nơi cư trú tại Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 30/12/2017 anh Hoàng Duy D vay của Nguyễn Thị V 60.000.000 đồng, với lãi xuất 03% tháng, thời điểm tính lãi từ tháng 01/2018; tính thành tiền mỗi tháng anh D phải trả lãi cho V là 1.800.000 đồng đối với khoản vay này, anh D thanh toán đầy đủ lãi xuất hàng tháng theo thỏa thuận và đã thanh toán hết tháng 6/2019, tổng cộng 18 tháng là 32.400.000 đồng, nhưng chưa thanh toán nợ gốc.

Ngày 24/5/2018 anh D vay của Nguyễn Thị V 30.000.000 đồng, lãi xuất 5.000 đồng/triệu/ ngày, thỏa thuận sau 30 ngày trả lãi một lần. Tính đến hết ngày 18/01/2019 anh D đã trả lãi cho V 08 lần, mỗi lần 4.500.000 đồng. Tổng cộng là 36.000.000 đồng và trả tiền vay gốc là 15.000.000 đồng. Số tiền còn lại 15.000.000 đồng vẫn tính lãi suất 5.000 đồng/triệu/ ngày và bắt đầu tính từ ngày 19/01/2019 anh D đã trả 05 lần tiền lãi, mỗi lần 2.250.000 đồng. Tổng cộng là 11.250.000 đồng.

Với lãi xuất mà Nguyễn Thị V cho Hoàng Duy D vay nêu trên bao gồm: Khoản vay 03% tháng tương ứng với 36%/năm; khoản vay 5.000 đồng/triệu/ngày tương ứng với 182,5%/năm. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa là 20%/năm, tức là chỉ tương ứng 1,667%/tháng và 547,95 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày.

Như vậy đối với khoản vay 60.000.000 đồng, tính đến thời điểm Nguyễn Thị V bị phát hiện, bắt giữ là 18 tháng; khoản vay 30.000.000 đồng tính từ ngày

24/5/2018 đến ngày 18/01/2019 là 240 ngày và khoản vay 15.000.000 đồng tính từ ngày 19/01/2018 đến ngày bị bắt là 150 ngày.

Tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Thị V được hưởng từ khoản vay 60.000.000 đồng là 60.000.000 đồng x 1,667% x18 tháng= 18.003.600 đồng; số tiền thu lời bất chính là 32.400.000 đồng – 18.003.600 đồng = 14.396.400 đồng. Số tiền thu lợi bất chính này không thuộc cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Thị V được hưởng từ khoản vay thứ hai là 30.000.000 đồng là 547,95 đồng x 30 lần của 1.000.000 đồng x 240 ngày = 3.945.240 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 36.000.000 đồng – 3.945.240 đồng = 32.054.760 đồng.

Tiền lãi hợp pháp từ khoản cho vay thứ ba, Nguyễn Thị V được hưởng từ 15.000.000 đồng là 547,95 đồng x 15 lần của 1.000.000 đồng x 150 ngày = 1.232.887,5 đồng. Số tiền thu lời bất chính là 11.250.000 đồng – 1.232.887,5 đồng = 10.017.112,5 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thị V thu lời bất chính từ việc cho Hoàng Duy D vay, có căn cứ quy kết tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 32.054.760 đồng + 10.017.112,5 đồng = 42.071.872,5 đồng.

2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1988, nơi cư trú tại thôn Hoan Trung 2, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 09/12/2017, anh P đặt vấn đề vay tiền với Nguyễn Thị V số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, tức là mỗi tháng trả lãi 900.000 đồng; đến tháng 10/2018 anh P đã trả lãi cho V 11 tháng, tổng cộng 9.900.000 đồng.

Ngày 07/10/2018, anh P tiếp tục vay của V 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần; tính đến tháng 11/2018 anh P trả 30 ngày lãi cho V là 4.500.000 đồng.

Đến tháng 02/2019, anh P trả lãi cho hai khoản vay 14.000.000 đồng, tháng 3/2019 anh P trả tiếp 7.600.000 đồng, tổng cộng là 21.600.000 đồng; trong đó 18.000.000 đồng là lãi của 120 ngày khoản vay 5.000 đồng/triệu/ngày, còn 3.600.000 đồng là lãi xuất 04 tháng của khoản vay 03% tháng

Tháng 4/2019, anh P trả V 4.000.000 đồng, đến tháng 6/2019 anh P trả tiếp 4.000.000 đồng; hai khoản tiền này V đều tính vào khoản vay lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Tổng cộng khoản vay với lãi suất 3%/tháng, anh P đã trả lãi là 9.900.000 đồng + 3.600.000 đồng = 13.500.000 đồng; khoản vay với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày anh P đã trả 4.500.000 đồng + 18.000.000 đồng + 4.000.000 đồng + 4.000.000 đồng = 30.500.000 đồng

Như vậy đối với khoản vay 30.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, tính từ ngày 09/12/2017 đến thời điểm trả lãi lần cuối (tháng 3/2019) là 15 tháng; khoản vay 30.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, Nguyễn Thị V đã lấy lãi được 203 ngày.

Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật Dân sự quy định, thì tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Thị V được hưởng từ khoản vay với lãi suất 3%/tháng, là 30.000.000 đồng x 1,667% x 15 tháng = 7.501.500 đồng. Số tiền Nguyễn Thị V thu lời bất chính là 13.500.000 đồng – 7.501.500 đồng = 5.998.500 đồng; tuy nhiên số tiền này không cấu thành tội Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự

Số tiền lãi mà Nguyễn Thị V được hưởng từ khoản vay với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày là 547.95 đồng x 30 lần của 1.000.000 đồng x 203 ngày = 3.337.015,5 đồng; số tiền thu lời bất chính là 30.500.000 đồng – 3.337,015,5 đồng = 27.162.984,5 đồng là có căn cứ kết tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

3. Dương Thị P, sinh năm 1972 cùng chồng là Dương Thời T, sinh năm 1970, nơi cư trú tại Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 07/11/2018, Dương Thị P cùng chồng là Dương Thời T vay của Nguyễn Thị V 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này là 5.000 đồng/triệu/ngày, thời gian tính từ ngày vay và cứ 10 ngày bên vay phải có trách nhiệm trả lãi một lần. Ngày 11/11/2018 vợ chồng Phương, Thực tiếp tục vay của Nguyễn Thị V 150.000.000 đồng cũng với lãi suất như khoản vay trước. Tính đến ngày 03/7/2019 vợ chồng P, T đã trả cho V tiền lãi tổng cộng là 166.500.000 đồng, số tiền trả lãi này được tính cho 95 ngày.

Tính theo lãi suất tối đa quy định của Bộ luật Dân sự, thì tiền lãi hợp pháp mà V được hưởng là 547.95 đồng x 350 lần của 1.000.000 đồng x 95 ngày = 18.219.337,5 đồng.

Số tiền Nguyễn Thị V thu lời bất chính từ việc cho Dương Thị P và Dương Thời T vay tiền là 166.500.000 đồng – 18.219.337,5 đồng = 148.280.662,5 đồng.

4. Hà Thị L, sinh năm 1986, nơi cư trú tại thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 23/01/2019, chị L vay của Nguyễn Thị V 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; cứ 10 ngày một lần trả lãi một lần. Tính đến ngày 02/4/2019 chị L đã trả tiền lãi tổng cộng 17.500.000 đồng và tiền gốc 50.000.000 đồng. Ngày 04/5/2019 chị L lại tiếp tục vay của Nguyễn Thị V 30.000.000 đồng và đến ngày 06/5/2019 chị L vay thêm 10.000.000 đồng, cũng với lãi suất như trên; thỏa thuận gộp hai khoản vay lại thành tiền gốc là 40.000.000 đồng; lãi suất bắt đầu tính từ ngày 06/5/2019. Đến ngày 02/8/2019 V tính chẵn 90 ngày và chị L đã trả lãi cho V tổng cộng 18.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận chốt nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiếp tục được tính lãi từ ngày 03/8/2019.

Đối với khoản vay thứ nhất từ ngày 23/01/2018, đến ngày 02/4/2019 là 70 ngày; khoản vay thứ hai từ ngày vay 06/5/2019 đến ngày 08/8/2019, Nguyễn Thị V thu lãi là 90 ngày.

Tính theo lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự, thì tiền lãi hợp

pháp mà Nguyễn Thị V được hưởng từ khoản vay thứ nhất là 547,95 đồng x 50 lần của 1.000.000 đồng x 70 ngày = 1.917.825 đồng. Số tiền Nguyễn Thị V thu lời bất chính là 17.500.000 đồng – 1.917,620 đồng = 15.582.175 đồng.

Tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Thị V được hưởng từ khoản vay thứ hai là 547,95 đồng x 40 lần của 1.000.000 đồng x 90 ngày = 1.972,620 đồng; số tiền Nguyễn Thị V thu lời bất chính là 18.000.000 đồng – 1.972,620 đồng = 16.027.380 đồng.

Số tiền Nguyễn Thị V thu lời bất chính từ việc cho Hà Thị L vay tiền là 15.582.175 đồng + 16.027.380 đồng = 31.609.555 đồng.

Tổng cộng Nguyễn Thị V cho các bị hại vay tổng số tiền là 500.000.000 đồng, trong đó Hoàng Duy D vay 30.000.000 đồng, Nguyễn Văn P vay 30.000.000 đồng, vợ chồng Phương, Thực vay 350.000.000 đồng, Hà Thị L vay 90.000.000 đồng. Nguyễn Thị V thu lời bất chính, từ việc cho vay tiền đối với Hoàng Duy D là 42. 071.872,5 đồng; Nguyễn Văn P là 27.162.984,5 đồng; vợ chồng Phương, Thực là 148.280.662,5 đồng, Hà Thị L là 31. 609.555 đồng. Tổng cộng số tiền Nguyễn Thị V thu lời bất chính số tiền là 249.125.074,5 đồng

Ngoài ra Nguyễn Thị V còn cho nhiều người vay tiền với lãi suất dưới 100%/năm, gồm:

- Phan Văn C, sinh năm 1976, cư trú tại Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vay 1.700.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, tương ứng 12%/năm; tháng 8/2018, C đã trả lãi suất theo thỏa thuận và trả tiền vay gốc 700.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.000.000.000 vẫn tính lãi suất như trên. Tính đến tháng 7/2019, C đã trả lãi cho V đầy đủ, vẫn nợ gốc.

- Nguyễn Thị N, sinh năm 1988, nơi cư trú Thôn V, xã V, huyện B vay với Nguyễn Thị V 15.000.000 đồng, lãi suất 600.000 đòng/tháng; tương ứng với 4%/tháng và 48%/năm. Tính đến 04/8/2019 N đã trả lãi cho V theo thỏa thuận, nhưng chưa trả tiền gốc.

- Nguyễn Đức H, sinh năm 1986, nơi cư trú tại thôn M, xã V, huyện B, vay với Nguyễn Thị V 70.000.000 đồng, lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; tương đương với 3%/tháng và 36%/năm. Tính đến ngày 05/8/2019 Nguyễn Đức H đã trả lãi cho Nguyễn Thị V theo thỏa thuận, nhưng chưa trả tiền vay gốc.

- Lê Văn Q, sinh năm 1976, nơi cư trú tại thôn M, xã V, huyện B, vay với Nguyễn Thị V 350.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng và 24%/năm. Tính đến tháng 8/2019 Lê Văn Q đã trả lãi cho Nguyễn Thị V theo thỏa thuận, nhưng vẫn nợ tiền gốc.

- Vi Văn H (tức Hạo), sinh năm 1990, nơi cư trú tại thôn Nà Gỗ, xã T, huyện B, vay của Nguyễn Thị V 50.000.000 đồng, lãi suất 1.800.000/tháng, tương đương 3,6%/tháng và 43,2%/năm. Tính đến tháng 7/2019 Vi Văn H đã trả lãi cho Nguyễn Thị V theo thỏa thuận, vẫn nợ gốc.

- Dương Thị T, sinh năm 1983, nơi cư trú tại Thôn V, xã V, huyện B, vay

với Nguyễn Thị V 20.000.000 đồng, lãi suất 600.000 đồng/tháng, tương đương với 3%/tháng và 36%/năm. Tính đến ngày 28/7/2019 Dương Thị T đã trả lãi suất cho Nguyễn Thị V, còn nợ tiền gốc.

- Đỗ Thị H, sinh năm 1981, địa chỉ tại xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; tạm trú tại khu tập thể Trường Trung học phổ thông xã V, huyện B vay của Nguyễn Thị V 15.000.000 đồng, lãi suất 300.000/tháng, tương đương 2%/tháng và 24%/năm. Tính đến tháng 5/2019 (âm lịch) Đỗ Thị H đã trả tiền lãi cho Nguyễn Thị V theo thỏa thuận, còn nợ gốc.

- Lê Thị L, sinh năm 1981, nơi cư trú tại Thôn V, xã V, huyện B vay của Nguyễn Thị V 80.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, tương đương 24%/năm. Đến ngày 20/3/2019 (âm lịch) Lê Thị L vay tiếp 50.000.000 đồng với lãi suất như trên. Tổng cộng hai khoản vay này là 130.000.000 đồng, khoản vay này Lê Thị L trả tiền lãi cho Nguyễn Thị V không thường xuyên và chưa trả được tiền vay gốc.

Về vật chứng của vụ án gồm:

- Tài liệu tạm giữ theo hồ sơ vụ án

03 (ba) quyển số bìa màu trắng có in hình người và chữ " Sáng tạo", loại 120 trang, MS: 2616. Trong đó có 01 quyển phần dòng kẻ ngang bên dưới bìa ghi chữ "Sổ lợ", bên trong phía trước có 33 trang ghi các chữ và số; bên trong phía sau có 11 trang ghi cac chữ và số; 01 quyển phía trên bìa ghi chữ " Theo dõi 0833936759", bên trong phía trước có 12 trang ghi các chữ và số; 01 quyển phía trên bìa ghi chữ số " 0352898687", " 0983707595", bên trong phía trước có 05 trang ghi các chữ và số, phía sau có 03 trang ghi các chữ và số.

04 (bốn) tờ giấy ghi các chữ và số.

08 (tám) tờ giấy biên nhận vay tiền, trong đó có 02 tờ người vay tiền là Phan Văn C, 01 tờ là của Nguyễn Văn P, 01 tờ là Hà Thị L; 01 tờ là Hoàng Duy D; 01 tờ là Nguyễn Thị N, 01 tờ là Nguyễn Đức H; 01 tờ là Đỗ Thị H.

06 (sáu) tờ Giấy biên nhận (khất nợ) trong đó có 02 tờ người vay tiền là Nguyễn Văn P; 01 tờ của Hoàng Duy D; 01 tờ là Dương Thời T; 01 tờ là Dương Thị T và 01 tờ là Vi Văn Hạo

01 (một) Giấy vay nợ viết tay của Lê Văn Q.

- Các vật chứng chuyển Cơ quan Thi hành án Dân sự bảo quản gồm:

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng cát, kèm theo sim thuê bao 0832685866 và 0962364138.

Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gồm: 98 tờ loại mệnh giá 500.000 đồng, 250 tờ loại mệnh giá 200.000 đồng và 10 tờ loại mệnh giá 100.000 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Những người liên quan đã thỏa thuận xong với gia đình bị cáo về khoản thu lợi bất chính bị chiếm đoạt, nay có đơn đề nghị xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Thị V.

Bản cáo trạng số 89/ CT- VKS-P3 ngày 22 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị V về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Phân công Viện kiểm sát nhân dân huyện B thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án này.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị V khai nhận có hành vi cho một số người vay lãi nặng, như trong Cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Đề nghị Cơ quan pháp luật xem xét về hành vi của bị cáo và những người vay tiền, đã có sự thỏa thuận trước khi họ đồng ý vay, chứ bị cáo không bắt ép. Các số liệu liên quan đến tiền gốc, nợ và tiền trả lãi như cáo trạng nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cũng thừa nhận những khoản vay, nợ, trả lãi giữa hai bên đúng như trong cáo trạng đã nêu, do pháp luật xem xét giải quyết cho hợp tình hợp lý.

Tại phiên tòa, phát biểu luận tội của kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Nguyễn Thị V về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị:

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 48; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 123, 131, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

- Về xử lý vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Nguyễn Thị V, nhưng hiện chưa trả cho bị cáo; xét đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Hoàng Duy D 15.000.000 đồng Nguyễn Văn P 30.000.000 đồng; Dương Thị P và Dương Thời T 350.000.000 đồng; Hà Thị L 20.000.000 đồng.

- Truy thu số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị V cho người vay lãi nặng mà họ đã trả lại cho bị cáo, nay bị cáo phải nộp sung ngân sách Nhà nước cụ thể: Hoàng Duy D 15.000.000 đồng; Hà Thị L 70.000.000 đồng. Tổng cộng truy thu của Nguyễn Thị V số tiền 85.000.000 đồng.

- Truy thu số tiền bị cáo Nguyễn Thị V thu lãi bất chính do phạm tội mà có số tiền 30.624.925,5 đồng, để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải trả lại tiền lãi trái pháp luật cho những người đã vay tiền của bị cáo, cụ thể: Hoàng Duy D 42.071.872,5 đồng; Nguyễn Văn P 27.162.984,5 đồng; Dương Thị P và Dương Thời T số tiền 148.280.662,5 đồng; Hà Thi L 31.609.555 đồng.

- Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng cát đã qua sử dụng, để phát mại sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo 01 phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của các thành phần tham gia trong biên bản niêm phong ngày 08/8/2019. Trong phong bì được niêm phong có 100.000.000 đồng, nhưng tam giữ để đảm bảo thi hành án

Vật chứng là điện thoại và phong bì trên, được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 06/11/2019.

- Tạm giữ số tiền 80.000.000 đồng do ông Bùi Quang C là chồng của bị cáo nộp ngày 07/11/2019, để thi hành án.

- Đối với 03 (ba) quyển số bìa màu trắng có in hình người và chữ " Sáng tạo", loại 120 trang, MS: 2616. Trong đó có 01 quyển phần dòng kẻ ngang bên dưới bìa ghi chữ "Sổ lợ", bên trong phía trước có 33 trang ghi các chữ và số; bên trong phía sau có 11 trang ghi các chữ và số; 01 quyển phía trên bìa ghi chữ " Theo dõi 0833936759", bên trong phía trước có 12 trang ghi các chữ và số; 01 quyển phía trên bìa ghi chữ số " 0352898687", " 0983707595", bên trong phía trước có 05 trang ghi các chữ và số, phía sau có 03 trang ghi các chữ và số; 04 tờ giấy ghi các chữ và số; 08 tờ giấy biên nhận vay tiền, trong đó có 02 tờ người vay tiền là Phan Văn C, 01 tờ là của Nguyễn Văn P, 01 tờ là Hà Thị L; 01 tờ là Hoàng Duy D; 01 tờ là Nguyễn Thị N, 01 tờ là Nguyễn Đức H; 01 tờ là Đỗ Thị H; 06 tờ Giấy biên nhận (khất nợ) trong đó có 02 tờ người vay tiền là Nguyễn Văn P; 01 tờ của Hoàng Duy D; 01 tờ là Dương Thời T; 01 tờ là Dương Thị T và 01 tờ là Vi Văn Hạo; 01 Giấy vay nợ viết tay của Lê Văn Q là vật chứng, cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và bào chữa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để sớm trở về làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn P, được Tòa án nhân dân huyện B triệu tập đến phiên tòa, nhưng có đơn xin xử vắng mặt vì anh đã làm thủ tục xuất khẩu đi lao động nước ngoài; ông Dương Thời T vắng mặt có lý do và ủy quyền cho vợ có mặt; bị cáo có đồng ý xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt người này không gây trở ngại đến việc xét xử; mặt khác những người này cũng

đã có lời khai của họ tại Cơ quan điều tra, cần thiết có thể công bố lời khai của họ. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Về căn cứ buộc tội: Theo lời khai nhận của bị cáo và những chứng cứ, tài liệu đã được Cơ quan điều tra xác minh, thu thập, thì nội dung vụ án như sau: Từ năm 2017 đến năm 2019, Nguyễn Thị V đã cho một số người đều trú tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn vay tiền với lãi suất cao, trong đó có 04 người bị cáo V cho vay tiền và tính lãi suất cao là 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với lãi suất 182%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015, với tổng số tiền 500.000.00 đồng. Đó là Hoàng Duy D vay 30.000.000 đồng; Nguyễn Văn P 30.000.000 đồng; vợ chồng Dương Thị P và Dương Thời T vay 350.000.000 đồng; Hà Thị L vay 90.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị V đã thu lời bất chính số tiền 249.125.074,5 đồng, trong đó thu lời bất chính của Hoàng Duy D 42.071.872,5 đồng; Nguyễn Văn P 27.162.984,5 đồng; vợ chồng Dương Thị P và Dương Thời T là 148.280.662,5 đồng; Hà Thị L 31.609.555 đồng. Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị V tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó bản Cáo trạng số 89/CT-VKS-P3, ngày 22/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, truy tố bị cáo Nguyễn Thị V về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị V tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, cũng như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Thị V là hành vi cho người khác vay tiền, với nhiều dạng khác nhau, có thể bằng văn bản, cầm cố tài sản hoặc hợp đồng miệng. Tuy đơn giản về thủ tục vay tiền, nhưng thủ đoạn là cho vay lãi suất cao, do bị cáo tự đặt ra; có hai cách tính lãi đối với người vay, đó là những khoản vay tính lãi tháng và khoản vay tính lãi ngày, mức lãi từ 2% đến 3%/tháng tương ứng với 24% đến 36%/năm. Mức lãi ngày được tính 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng với lãi 182,5%/năm gấp 09 lần mức vay tối đa do pháp luật dân sự quy định. Nếu người vay không kịp trả lãi đúng hạn, thì được bị cáo thông báo cộng lãi vào gốc, bắt ép người vay phải chịu nợ để trả lãi mẹ đẻ lãi con; đây là hành vi mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng nợ chồng chất, nguy cơ tan gia bại sản, là hành vi nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước nói chung, mà còn tiềm ẩn nguy cơ xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Vì vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo là người có đầy đủ nặng lực hành vi, có khả năng nhận thức pháp luật; tình tiết tăng nặng về nhân thân là cho nhiều người vay lãi nặng " Phạm tội 02 lần trở lên", theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo tự nguyện nộp thêm số tiền 80.000.000 đồng và số tiền đã thu giữ của bị cáo là 100.000.000 đồng, tổng số là 180.000.000 đồng. Bị cáo tự nguyện đề nghị cơ quan pháp luật xử lý số tiền này đối với hậu quả vụ án; trong gia đình bị cáo có bố, mẹ chồng và bố, mẹ đẻ có công với Nhà nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng Huân chương; nhân thân bị cáo chưa có lần nào vi phạm pháp luật. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng, phù hợp, bảo đảm tính giáo dục chung và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói riêng.

[9] Về hình phạt bổ sung quy định trong luật, tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01năm đến 05 năm". Nhưng xét thấy bị cáo là lao động tự do, bản thân đã bị thu sung ngân sách Nhà nước các khoản tiền liên quan đến phạm tội và hưởng lợi bất hợp pháp, nên không cần thiết phải phạt tiền bổ sung hoặc hình thức khác.

[10] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng trong vụ án:

[11] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Nguyễn Thị V, nhưng hiện chưa trả cho bị cáo, số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Hoàng Duy D 15.000.000đồng; Nguyễn Văn P 30.000.000 đồng; Dương Thị P và Dương Thời T 350.000.000 đồng; Hà Thị L 20.000.000 đồng.

[12] Truy thu số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị V cho người vay lãi nặng mà họ đã trả lại cho bị cáo, nay bị cáo phải nộp sung ngân sách Nhà nước cụ thể: Hoàng Duy D 15.000.000 đồng; Hà Thị L 70.000.000 đồng. Tổng cộng truy thu của Nguyễn Thị V số tiền 85.000.000 đồng.

[13] Truy thu số tiền bị cáo Nguyễn Thị V thu lãi bất chính do phạm tội mà có số tiền 30.624.925,5 đồng, để sung ngân sách Nhà nước.

[14] Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải trả lại tiền lãi trái pháp luật cho những người đã vay tiền của bị cáo, xét đây hành vi giao dịch hợp đồng dân sự trái pháp luật là vô hiệu, thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận cụ thể: Hoàng Duy D 42.071.872,5 đồng; Nguyễn

Văn P 27.162.984,5 đồng; Dương Thị P và Dương Thời T số tiền 148.280.662,5 đồng; Hà Thi L 31.609.555 đồng.

[15] Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng cát đã qua sử dụng, để phát mại sung ngân sách Nhà nước.

[16] Tạm giữ 01 phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của các thành phần tham gia trong biên bản niêm phong ngày 08/8/2019. Trong phong bì được niêm phong có 100.000.000 đồng và số tiền 80.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền ngày 07/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, người nộp Bùi Quang C chồng của bị cáo, để đảm bảo thi hành án.

[17] Vật chứng là điện thoại và phong bì trên, được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 06/11/2019.

[18] Đối với 03 (ba) quyển số bìa màu trắng có in hình người và chữ "Sáng tạo", loại 120 trang, MS: 2616. Trong đó có 01 quyển phần dòng kẻ ngang bên dưới bìa ghi chữ "Sổ lợ", bên trong phía trước có 33 trang ghi các chữ và số; bên trong phía sau có 11 trang ghi các chữ và số; 01 quyển phía trên bìa ghi chữ " Theo dõi 0833936759", bên trong phía trước có 12 trang ghi các chữ và số; 01 quyển phía trên bìa ghi chữ số " 0352898687", " 0983707595", bên trong phía trước có 05 trang ghi các chữ và số, phía sau có 03 trang ghi các chữ và số; 04 tờ giấy ghi các chữ và số; 08 tờ giấy biên nhận vay tiền, trong đó có 02 tờ người vay tiền là Phan Văn C, 01 tờ là của Nguyễn Văn P, 01 tờ là Hà Thị L; 01 tờ là Hoàng Duy D; 01 tờ là Nguyễn Thị N, 01 tờ là Nguyễn Đức H; 01 tờ là Đỗ Thị H; 06 tờ Giấy biên nhận (khất nợ) trong đó có 02 tờ người vay tiền là Nguyễn Văn P; 01 tờ của Hoàng Duy D; 01 tờ là Dương Thời T; 01 tờ là Dương Thị T và 01 tờ là Vi Văn H; 01 Giấy vay nợ viết tay của Lê Văn Q là vật chứng, cần lưu vào hồ sơ vụ án.

[19] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự có giá nghạch, theo quy định của pháp luật.

[20] Căn cứ theo Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án, theo quy định của pháp luật.

[21] Nhận định trên của Hội đồng xét xử, cũng phù hợp với phát biểu luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh; điều luật áp dụng và hình phạt, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Nguyễn Thị V.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 123, 131 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 09/8/2019.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Về biện pháp tư pháp:

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Nguyễn Thị V, nhưng hiện chưa trả cho bị cáo; xét đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Hoàng Duy D 15.000.000đồng Nguyễn Văn P 30.000.000 đồng; Dương Thị P và Dương Thời T 350.000.000 đồng; Hà Thị L 20.000.000 đồng.

Truy thu số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị V cho người vay lãi nặng mà họ đã trả lại cho bị cáo, nay bị cáo phải nộp sung ngân sách Nhà nước cụ thể: Hoàng Duy D 15.000.000 đồng; Hà Thị L 70.000.000 đồng. Tổng cộng truy thu của Nguyễn Thị V số tiền 85.000.000 đồng

Truy thu số tiền bị cáo Nguyễn Thị V thu lãi bất chính do phạm tội mà có số tiền 30.624.925,5 đồng, để sung ngân sách Nhà nước

Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải trả lại tiền lãi trái pháp luật cho những người đã vay tiền của bị cáo, cụ thể: Hoàng Duy D 42.071.872,5 đồng; Nguyễn Văn P 27.162.984,5 đồng; Dương Thị P và Dương Thời T số tiền 148.280.662,5 đồng; Hà Thị L 31.609.555 đồng.

Về xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng cát đã qua sử dụng, để phát mại sung ngân sách Nhà nước

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị V 01 phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của các thành phần tham gia trong biên bản niêm phong, ngày 08/8/2019. Trong phong bì được niêm phong có 100.000.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng là điện thoại và phong bì tiền trên, được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 06/11/2019.

Tạm giữ số tiền 80.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án, theo biên lai thu tiền số AA/2015 0004319, ngày 07/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, người nộp Bùi Quang C chồng của bị cáo nộp để xử lý hậu quả vụ án.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 03 (ba) quyển số bìa màu trắng có in hình người và chữ " Sáng tạo", loại 120 trang, MS: 2616. Trong đó có 01 quyển phần dòng kẻ ngang bên dưới bìa ghi chữ "Sổ lợ", bên trong phía trước có 33 trang ghi các chữ và số; bên trong phía sau có 11 trang ghi các chữ và số; 01 quyển phía trên bìa ghi chữ " Theo dõi 0833936759", bên trong phía trước có 12 trang ghi các chữ và số; 01 quyển phía trên bìa ghi chữ số " 0352898687", " 0983707595", bên trong phía trước có 05 trang ghi các chữ và số, phía sau có 03 trang ghi các chữ và số; 04 tờ giấy ghi các chữ và số; 08 tờ giấy biên nhận vay tiền, trong đó có 02 tờ người vay tiền là Phan Văn C, 01 tờ là của Nguyễn Văn P, 01 tờ là Hà Thị L; 01 tờ là Hoàng Duy D; 01 tờ là Nguyễn Thị N, 01 tờ là Nguyễn Đức H; 01 tờ là Đỗ Thị H; 06 tờ Giấy biên nhận (khất nợ) trong đó có 02 tờ người vay tiền là Nguyễn Văn P; 01 tờ của Hoàng Duy D; 01 tờ là Dương Thời T; 01 tờ là Dương Thị T và 01 tờ là Vi Văn H; 01 Giấy vay nợ viết tay của Lê Văn Q là vật chứng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 12.456.000 đồng án phí dân sự theo giá ngạch. Tổng cộng là 12.656.000 đồng, để sung ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: Toà; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vy Ngọc Linh